

*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K7, TẠI HUYỆN EA KAR, KHÓA HỌC 2023 - 2025**

Thi hết học phần C.I: Xây dựng Đảng

Ngày thi: 31/8/2024; Thời gian: 180 phút

Địa điểm thi: Trung tâm Chính trị huyện Ea Kar

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Lê Đặng Nguyệt Ánh	27/01/1983	02		8	70	Kiểm
2	Hồ Thị Thu Ba	23/01/1990	02		1	72,5	Kiểm, hai năm
3	Nguyễn Thị Bích	27/7/1977	02		30	72,5	Kiểm, hai năm
4	Kpa Bính	13/11/1986	02		26	75	Kiểm, năm
5	Đặng Văn Bình	30/12/1987	02		40	70	Kiểm
6	Lê Văn Bình	09/10/1986	02		39	6,5	Sau, năm
7	Phạm Thanh Bình	15/10/1982	02		14	75	Kiểm, năm
8	Nguyễn Thị Châu	21/11/1985	02		53	70	Kiểm
9	Vũ Kim Chính	20/10/1986	02		35	72,5	Kiểm, hai năm
10	Ngô Phi Chuân	08/01/1980	02		21	70	Kiểm
11	Ngô Việt Dũng	16/9/1986	02		20	6,5	Sau, năm
12	Nông Thanh Dũng	18/11/1984	02		38	70	Kiểm
13	Dương Thanh Hà	20/4/1981	02		32	75	Kiểm, năm
14	Cao Thị Thúy Hằng	02/02/1984	03		52	75	Kiểm, năm
15	Nguyễn Thị Hạnh	20/6/1990	02		37	75	Kiểm, năm
16	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	04/10/1988	03		56	70	Kiểm
17	Nguyễn Thị Phương Hậu	12/12/1988	02		28	75	Kiểm, năm
18	Phạm Viết Hậu	01/9/1980	02		24	70	Kiểm
19	Nguyễn Thị Minh Hiền	13/9/1983	02		9	70	Kiểm
20	Hồ Phương Hiếu	05/11/1985	03		78	50	Năm

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Lại Thị Thanh	Hòa	29/7/1982	03		70	70	Đầy
22	Nguyễn Thị	Hòa	10/6/1982	02		63	75	Đầy 1 năm
23	Nguyễn Trung	Hòa	10/3/1977	02		6	70	Đầy
24	Trần Đình	Hoàn	10/4/1981	02		31	75	Đầy 1 năm
25	Liêu Thị	Huế	15/11/1988	02		75	70	Đầy
26	Diệp Thị	Huệ	25/3/1986	02		82	75	Đầy 1 năm
27	Mai Đức	Hùng	16/6/1981	02		3	75	Đầy 1 năm
28	Bạch Đình	Hưng	01/9/1989	02		49	65	Sau 1 năm
29	Dương Văn	Hưng	11/8/1980	02		77	45	Bón 1 năm
30	Nguyễn Thị Thu	Hương	17/02/1991	03		50	80	Tạm
31	Nông Thị	Hương	02/10/1988	02		73	70	Đầy
32	Đỗ Thị Thu	Hường	26/10/1990	02		11	70	Đầy
33	Vũ Bảo	Khoa	22/5/1984	02		48	60	Sau
34	Trần Duy	Khương	15/8/1988	02		27	725	Đầy hai năm
35	Trần Trung	Kiên	23/7/1983	02		42	65	Sau 1 năm
36	Hiệp Thị	Kiều	31/3/1978	02		60	80	Tạm
37	Nguyễn Thị	Kiều	02/02/1989	03		66	8,25	Tạm hai năm
38	Phan Thị Thúy	Kiều	06/9/1981	03		67	80	Tạm
39	Trần Thị	Liên	02/11/1983	02		44	70	Đầy
40	Nguyễn Thị Thùy	Linh	06/6/1983	02		45	70	Đầy
41	Nông Văn	Linh	11/3/1986	02		76	75	Đầy 1 năm
42	Tổng Trần	Long	20/8/1976	02		16	75	Đầy hai năm
43	Vũ Thị	Luyến	02/12/1986	03		65	80	Tạm
44	Nguyễn Thị Hải	Lý	31/5/1990	02		71	70	Đầy
45	Nguyễn Thị Hồng	Mận	21/7/1987	03		69	80	Tạm
46	Nguyễn Tuấn	Mạnh	06/12/1984	02		43	65	Sau 1 năm

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
47	Lê Vũ	Minh	10/7/1982	02		29	75	Kiểm, năm
48	Y Nguyên	Miô	05/6/1973	62		52	4.0	Bôn
49	Phan Thị Diễm	My	18/8/1991	02		25	75	Kiểm, năm
50	Trần Thị	Mỹ	20/12/1980	02		36	75	Kiểm, năm
51	Nguyễn Thúy	Nga	23/7/1990	02		5	7.25	Kiểm, hai năm
52	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	30/4/1991	02		17	70	Kiểm
53	Phạm Tuấn	Nhiên	04/3/1985	02		74	70	Kiểm
54	Đậu Thị Quỳnh	Như	10/10/1982	03		80	70	Kiểm
55	Nhan Thị Bích Loan	Niê	20/4/1988	02		18	70	Kiểm
56	Nguyễn Thị	Oanh	04/8/1989	04		68	8.75	Tám, bảy năm
57	Hoàng Minh	Phúc	25/5/1986	02		19	6.5	Sáu, năm
58	Hồ Thị	Phượng	15/10/1983	03		79	70	Kiểm
59	Trần Đình	Quý	10/11/1984	02		51	6.5	Sáu, năm
60	Nguyễn Như	Quỳnh	27/10/1985	02		64	70	Kiểm
61	Nguyễn Trúc	Sinh	01/01/1987	02		47	6.5	Sáu, năm
62	Võ Thành	Son	17/01/1986	02		10	75	Kiểm, năm
63	Bùi Thị	Sương	05/4/1984	03		58	80	Tám
64	Nguyễn Thị Diệp	Sương	12/10/1987	02		15	75	Kiểm, năm
65	Nguyễn Thanh	Tâm	01/12/1988	02		46	6.5	Sáu, năm
66	Nguyễn Thị	Thảo	24/6/1990	02		13	75	Kiểm, năm
67	Phan Thị	Thảo	09/01/1990	02		7	80	Tám
68	Huỳnh Đức	Thọ	03/3/1981	02		12	6.5	Sáu, năm
69	Ngô Văn	Thuận	18/3/1980	02		72	70	Kiểm
70	Mai Thị Diệu	Thúy	20/6/1983	02		22	7.25	Kiểm, hai năm
71	Nguyễn Đức	Toàn	06/02/1978	02		55	70	Kiểm
72	Phạm Xuân	Toàn	04/01/1988	02		2	75	Kiểm, năm

Sbd	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
73	Vũ Đức Toàn	10/4/1983	02		4	75	Kiểm hai năm
74	Đỗ Mạnh Toàn	07/12/1985	02		61	75	Kiểm hai năm
75	Bùi Thị Tuyết Trang	29/7/1990	03		59	80	Kiểm hai năm
76	Hà Văn Trường	10/5/1978	02		34	70	Kiểm hai năm
77	Nguyễn Xuân Trường	28/02/1984	02		23	70	Kiểm hai năm
78	Triệu Văn Truyền	03/9/1988	02		54	70	Kiểm hai năm
79	Trương Quang Tuấn	03/7/1976	02		33	75	Kiểm hai năm
80	Hồ Xuân Vũ	30/8/1987	02		41	70	Kiểm hai năm

Tổng số học viên theo danh sách: 80 học viên

Số học viên đủ điều kiện: học viên

Số học viên không đủ điều kiện: học viên

Số học viên vắng có lý do: học viên; không có lý do: học viên

Tổng số bài thi: 80 bài/ 176 tờ

GIÁM THỊ I

Đa Lan Nguyệt

GIÁM THỊ II

An Nhiên Kdân

Ngày...06...tháng...9...năm 2024

Ngày...16...tháng...9...năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Phạm Văn Dương

TRƯỞNG KHOA

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

BAN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG CHÍNH TRỊ

Nguyễn Thành Dũng

TS. Lê Duyên Hà